***Môn học:* TOÁN 2**

***Tên bài học:* CHỦ ĐỀ: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG**

**SỐ HẠNG – TỔNG**

***Tiết:* 4**

***Thời gian thực hiện:* Thứ Năm 12/9/2024**

## **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính cộng.

- Ôn tập phép cộng trong phạm vi 10, 100.

- Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua các trường hợp cụ thể, GV khái quát bằng lời (chưa nêu tên tính chất). Vận dụng tính chất giao hoán, tính toán hợp lí.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

# - Giáo viên: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).

# - Học sinh:SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của Giáo viên**  | **Hoạt động của Học sinh** | **HĐBT** |
| **5’** | **1. Hoạt động mở đầu** |  |
|  | - Giáo viên cho cả lớp chơi “Ai nhanh nhất?” + GV đọc phép tính, HS làm trên bảng con (đội 1: tính ngang, đội 2: đặt tính).  48 + 21 = 6948 21+  69- GV nhận xét. | - Học sinh cả lớp thực hiện trò chơi.- Đội 1: Tính ngang- Đội 2: Tính dọc - Học sinh nhận xét |  |
| **10’** | **2. Hoạt động hình thành kiến thức** |
|  | **a) Hoạt động 1: Giới thiệu tên các thành phần của phép cộng**- GV viết lại phép tính lên bảng lớp: 48 + 21 = 69- GV giới thiệu tên gọi các thành phần của phép cộng (nói và viết lên bảng như SGK).- GV lần lượt chi vào 48, 21,69.- GV nói tên các thành phần: số hạng, số hạng, tổng.  | - Học sinh quan sát tranh, nhận xét:  + 48: số hạng + 21: số hạng + 69: tổng- Học sinh quan sát, lắng nghe, ghi nhớ.- HS nói tên các thành phần: số hạng, số hạng, tổng.- HS nói số: 48 ,21 và 69. |  |
| **16’** | **3. Hoạt động luyện tập, thực hành** |
|  | **\* Gọi tên các thành phần của phép cộng.**- Yêu cầu HS tìm hiểu bài.**\* Viết phép cộng:** Ví dụ: Tính tổng của 22 và 16.Phép cộng tương ứng là: 22 + 16 = 38 - GV yêu cầu học sinh thực hiện tương tự với bài toán: 4 và 5;30 và 10; 52, 41 và 6;- GV nhận xét phần trình bày của học sinh. | - HS tìm hiểu bài: nhận biết tìm tổng là thực hiện phép cộng, mỗi phép tính cộng thực hiện hai cách viết (hàng ngang và đặt tính cộng),- HS thực hành viết các phép cộng đó ra bảng con.Ví dụ: Tính tổng của 4 và 5. BC: 4 + 5 = 94: số hạng5: số hạng 9: tổng | - Lưu ý: Khi sửa bài, ngoài các phép cộng trong SGK (1/13) , GV nên đưa thêm một số phép cộng khác. Chẳng hạn: 2 + 5 = 7, 43 + 31 = 74, 90 + 6 = 96,... |
| **4’** | **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp** |  |  |
|  | - Giáo viên hỏi: Muốn tìm tổng của một phép tính, các em thực hiện phép tính gì?- Giáo viên hướng dẫn học sinh yêu cầu 2/14 cho cha mẹ xem. | - Muốn tìm tổng của một phép tính, ta thực hiện phép tính cộng (lấy số hạng cộng với số hạng, được tổng).- Học sinh thực hiện ở nhà. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

………………………..………………………………………………………..………………………..……………………………………………………………..

..………………………..…………………………………………………………

………………………..…………………………………………………………..